

Số: 18 /2013/QĐ-UBND

Khánh Hoà, ngày 26 tháng 9 năm 2013

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định mức thủy lợi phí, tiền nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Khánh Hòa tại Tờ trình số: 1348/TTr-SNN-CCTL ngày 30 tháng 7 năm 2013,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 2.** Mức thu thủy lợi phí, tiền nước quy định tại Quyết định này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày

LawSoft \* Tel: +84-8-3930 3279 \* www.ThuVienPhapLuat.vn



ký, thay thế Quyết định số 87/2009/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa Quy định mức thủy lợi phí, tiền nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt mức phí phục vụ lấy nước của các tổ chức hợp tác dùng nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi Bắc Khánh Hòa, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi Nam Khánh Hòa; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Văn phòng Chính Phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư Pháp;
- Bộ NN & PTNT;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND TQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, HP, IIB, HLC

*ĐC* 34

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*[Handwritten signature]*  
Lê Đức Vinh

**QUY ĐỊNH**

**Mức thu thủy lợi phí, tiền nước từ các công trình thủy lợi  
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2013/QĐ-UBND  
ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

1. Mức thu thủy lợi phí đối với diện tích trồng lúa:

TT	Biện pháp công trình	Mức thu (1.000 đồng/ha/vụ)
<b>I</b>	<b>Vùng Miền núi</b>	
1	Tưới tiêu bằng động lực (Máy bơm)	1.811
2	Tưới tiêu bằng trọng lực (Tự chảy)	1.267
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
<b>II</b>	<b>Vùng Đồng bằng</b>	
1	Tưới tiêu bằng động lực (Máy bơm)	1.409
2	Tưới tiêu bằng trọng lực (Tự chảy)	986
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.197

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì thu bằng 60% mức phí trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì thu bằng 40% mức phí trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì thu bằng 50% mức phí trên.

- Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới tiêu thì thu bằng 70% mức phí tưới, tiêu bằng trọng lực.

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức thu thủy lợi phí được tính tăng thêm 20% so với mức phí tại Biểu trên.



- Trường hợp phải tách riêng mức thu cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức thu thủy lợi phí cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức thu quy định tại Biểu trên.

Các Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi Nam và Bắc Khánh Hoà có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức hợp tác dùng nước xác định cụ thể danh mục công trình và biện pháp tưới, tiêu nước áp dụng đối với từng công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông thì mức thu thủy lợi phí bằng 40% mức thu thủy lợi phí đối với đất trồng lúa.

3. Mức thu thủy lợi phí áp dụng đối với sản xuất muối tính bằng 2% giá trị muối thành phẩm.

4. Biểu mức thu tiền nước đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị tính	Thu theo các biện pháp công trình	
			Bơm điện	Hồ đập, kênh cống
1	Cấp nước dùng sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp	đồng/m <sup>3</sup>	1.800	900
2	Cấp nước cho nhà máy nước sinh hoạt, chăn nuôi	đồng/m <sup>3</sup>	1.320	900
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m <sup>3</sup>	1.020	840
4	Cấp cho nuôi trồng thủy sản	đồng/m <sup>3</sup>	840	600
		đồng/m <sup>2</sup> mặt thoáng	250	
5	- Nuôi trồng thủy sản tại công trình hồ chứa thủy lợi - Nuôi cá bằng lồng, bè	% giá trị sản lượng	6%	
			7%	
6	Vận tải qua âu thuyền, cống của hệ thống thủy lợi: - Thuyền, sà lan - Các loại bè	đồng/tấn/lượt	7.200	
		đồng/m <sup>2</sup> /lượt	1.800	

7	Sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện.	% giá trị sản lượng điện thương phẩm	10%
8	Sử dụng công trình thủy lợi để kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí (kể cả kinh doanh sân gôn, casino, nhà hàng).	% tổng giá trị doanh thu	12%

- Trường hợp lấy nước theo khối lượng thì mức tiền nước được tính từ vị trí nhận nước của tổ chức, cá nhân sử dụng nước.

- Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% mức quy định tại Điểm 4 Biểu mức thu tiền nước trên.

- Trường hợp cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m<sup>3</sup>) thì thu theo diện tích (ha) mức thu bằng 80% mức thủy lợi phí đối với đất trồng lúa cho một năm.

5. Mức thủy lợi phí quy định tại Khoản 1, 2, 3 quy định này được tính ở vị trí công đầu kênh nội đồng của tổ chức hợp tác dùng nước đến công trình đầu mối của công trình thủy lợi.

Vị trí công đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước xác định theo Quyết định số 81/2009/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định về phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

6. Mức phí phục vụ lấy nước của tổ chức hợp tác dùng nước tính từ sau công đầu kênh nội đồng do tổ chức hợp tác dùng nước và các tổ chức cá nhân sử dụng nước thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức giá 587.000 đồng/ha/vụ.

Mức thu cụ thể được thông qua Đại hội đại biểu xã viên, Hội những người dùng nước để đáp ứng đủ công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi đã được phân cấp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh